TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày 18-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Phạm Thị Bấm

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VPBank); địa chỉ trụ sở: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Quang H, sinh năm 1980, nơi cư trú: Phường N, quận L, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 84/2022/UQ-LCC-KHDNMB1 ngày 20/10/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T; chức vụ - Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Quang H1, nơi cư trú: Đường Đ, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 9 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M (viết tắt là Công ty M) vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh Hải Phòng theo các Hợp đồng sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số 211019-5903252-01-SME ngày 22/10/2019:

- Số tiền vay 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 201020- 5903252-01- SME ngày 20/10/2020.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thời hạn 06 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 20/10/2020 đến ngày 20/4/2021.

- Lãi suất: Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân 21.6%/năm, lãi suất áp dụng được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần, ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là ngày 20/11/2020, Biên độ 15%/ năm.

- Kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng 1 lần khi kết thúc thời hạn vào ngày 20/4/2021. Bên vay phải trả lãi cho bên Ngân hàng định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

2. Hợp đồng cho hạn mức số: 120820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020:

- Số tiền vay 247.500.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 130820- 5903252-01- SME ngày 13/8/2020.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toàn tiền mua xe ô tô tải (thùng kín) Foton, Thaco Ollin 500 theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 44/06-2020/THACO ngày 30/6/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/44/06-2020/THACO/PLHDDTT ngày 28/7/2020.

- Thời hạn 48 tháng tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/8/2024.

- Lãi suất: 11,9%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng 1 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/9/2020, mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn + biên độ 3.0%/năm.

- Kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc và nợ lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng.

3. Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: 211019-5903252-01-SME/THAUCHI ngày 22/10/2019:

- Số tiền vay 500.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 110519-5155389-01-SME ngày 11/5/2019.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày 22/10/2019.

- Kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc và nợ lãi cho Bên Ngân hàng 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

- Lãi suất: 21,5%/năm lãi suất cho vay được cố định trong toàn bộ thời hạn vay.

4. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 5903252 ngày 18/11/2019 ngày:

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán chi phí đầu vào.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất: 32%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nH1 tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là:

- 01 Chiếc ô tô tải kín thùng, nhãn hiệu Foton, Thaco Ollin 500, BKS 15H-000.99, số khung 0FWALC012122, số máy 40BD10003075 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108471 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/8/2020 mang tên Công ty M; xác lập Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 120820-5903252-01-SME/TC ngày 13/8/2020.

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 22/10/2019, bên bảo lãnh là ông Phạm Quang H1 đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty M) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 211019-5903252-01-

SME/THAUCHI ngày 22/10/2019 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của Hợp đồng này; các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này bao gồm tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng này.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M số tiền là: 1.297.500.000 đồng. Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Tạm tính đến ngày 20/02/2023, Công ty M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 2.225.335.638 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.265.834.135 đồng; nợ lãi 843.757.188 đồng, phạt chậm trả 115.744.315 đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty M như sau:

- Công ty M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/02/2023 là 2.225.335.638 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.265.834.135 đồng; nợ lãi 843.757.188 đồng, phạt chậm trả 115.744.315 đồng theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 120820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020, khế ước nhận nợ số 130820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020: Số tiền là 308.088.927 đồng, trong đó: Nợ gốc là 225.391.675 đồng, nợ lãi là 75.121.213 đồng, lãi phạt chậm trả là 7.576.039 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 211019-5903252-01-SME ngày 22/10/2019, Khế ước nhận nợ số 201020-5903252-01-SME ngày 20/10/2020: Số tiền là 875.882.986 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi là 341.847.307 đồng, lãi phạt chậm trả là 34.035.679 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 211019-5903252-01SME/ THAUCHI ngày 22/10/2019: Số tiền là 944.686.483 đồng, trong đó: Nợ gốc là 496.916.742 đồng, nợ lãi là 373.637.144 đồng, lãi phạt chậm trả là 74.132.597 đồng.

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm số 5903252 ngày 18/11/2019: Số tiền là 96.677.242 đồng, trong đó: Nợ gốc là 43.525.718 đồng, nợ lãi là 53.151.524 đồng.

Và tiền lãi phát sinh cho đến ngày Công ty M thanh toán đầy đủ khoản nợ.

- Trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Toà án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý nợ là: 01 chiếc ô tô tải kín thùng, nhãn hiệu Foton, Thaco Ollin 500, BKS 15H-000.99, số khung 0FWALC012122, số máy 40BD10003075 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108471 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành

phố Hải Phòng cấp ngày 10/8/2020 mang tên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M; xác lập Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 120820-5903252-01-SME/TC ngày 13/8/2020.

- Trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì bên bảo lãnh là ông Phạm Quang H1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty M tại Ngân hàng.

* Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn.

* Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 13/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quang H1 trình bày:

Ông Phạm Quang H1 là chủ sở hữu của Công ty M. Ông xác nhận Công ty M đã ký với Ngân hàng các Hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày. Công ty M đã được Ngân hàng giải ngân đầy đủ số tiền vay như thỏa thuận, tổng cộng là 1.297.500.000 đồng nH1 Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông H1 xác nhận toàn bộ khoản nợ như Ngân hàng trình bày và đề nghị Ngân hàng cho Công ty M trả nợ theo lộ trình từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/02/2023. Trường hợp Công ty M không trả được nợ theo cam kết thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là 01 Chiếc ô tô tải kín thùng, nhãn hiệu Foton, Thaco Ollin 500, BKS 15H-000.99, số khung 0FWALC012122, số máy 40BD10003075 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108471 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/8/2020 mang tên Công ty M để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông H1 sẽ có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty M tại Ngân hàng.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi buộc bị đơn phải trả, yêu cầu cụ thể như sau:

- Công ty M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/4/2023 là 2.307.870.650 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.265.834.135 đồng; nợ lãi trong hạn là 117.828.548 đồng; nợ lãi quá hạn là 895.171.907 đồng; lãi phạt chậm trả là 29.036.060 đồng theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 120820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020, khế ước nhận nợ số 130820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020: Số tiền là 306.385.513 đồng, trong đó: Nợ gốc là 225.391.675 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.941.412 đồng; nợ lãi quá hạn là 78.614.146 đồng; lãi phạt chậm trả là 438.280 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 211019-5903252-01-SME ngày 22/10/2019, Khế ước nhận nợ số 201020-5903252-01-SME ngày 20/10/2020: Số

tiền là 868.913.172 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 8.974.704 đồng; nợ lãi quá hạn là 357.936.986 đồng; lãi phạt chậm trả là 2.001.482 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 211019-5903252-01SME/THAUCHI ngày 22/10/2019: Số tiền là 1.029.088.841 đồng, trong đó: Nợ gốc là 496.916.742 đồng; nợ lãi trong hạn là 106.912.432 đồng; nợ lãi quá hạn là 398.663.369 đồng; lãi phạt chậm trả là 26.596.298 đồng.

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm số 5903252 ngày 18/11/2019: Số tiền là 103.483.124 đồng, trong đó: Nợ gốc là 43.525.718 đồng, nợ lãi quá hạn là 59.957.406 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 116; 117; 119; 463; 465; 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm tuyên:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty M phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 18/4/2023 tổng số tiền là 2.307.870.650 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.265.834.135 đồng; nợ lãi trong hạn là 117.828.548 đồng; nợ lãi quá hạn là 895.171.907 đồng; lãi phạt chậm trả là 29.036.060 đồng. Công ty M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nH1 phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại 01 chiếc ô tô tải kín thùng, nhãn hiệu Foton,

Thaco Ollin 500, BKS 15H-000.99 theo Hợp đồng thế chấp số 120820-5903252-01-SME/TC ngày 13/8/2020 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty M cho Ngân hàng thì bên bảo lãnh là ông Phạm Quang H1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty M

+ Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và doanh nghiệp là Công ty M có mục đích lợi nhuận (tranh chấp về hợp đồng tín dụng) được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có trụ sở trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nH1 bị đơn đều vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng:

[3] Các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số 211019-5903252-01-SME ngày 22/10/2019; Hợp đồng cho hạn mức số 120820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm số 5903252 ngày 18/11/2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 211019-5903252-01SME/THAUCHI ngày 22/10/2019 giữa Ngân hàng và Công ty M phù hợp với quy định tại các điều 116, 117, 119, 463 của Bộ luật Dân sự. Các bên tham gia giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo

đức xã hội. Vì vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về số tiền nợ gốc: Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, nguyên đơn đã thực hiện việc giải ngân cho bị đơn nH1 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ sang nợ quá hạn. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Căn cứ vào các bảng kê tính lãi nguyên đơn cung cấp, bản tự khai và trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.265.834.135 đồng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[5] Về số tiền nợ lãi: Việc các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay tại các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về số tiền lãi, đã cung cấp bảng tính lãi thể hiện căn cứ tính lãi, số tiền lãi phù hợp với thỏa thuận trong các hợp đồng hai bên đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty M phải trả toàn bộ số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2023 là 1.042.036.515 đồng; trong đó: Nợ lãi trong hạn là 117.828.548 đồng; nợ lãi quá hạn là 895.171.907 đồng; lãi phạt chậm trả là 29.036.060 đồng.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nH1 phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Về việc phát mại tài sản thế chấp: Công ty M đã thế chấp 01 Chiếc ô tô tải kín thùng, nhãn hiệu Foton, Thaco Ollin 500, BKS 15H-000.99, số khung 0FWALC012122, số máy 40BD10003075 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108471 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/8/2020 mang tên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M; xác lập Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 120820-5903252-01-SME/TC ngày 13/8/2020 để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty M tại Ngân hàng. Hiện nay, chiếc xe này vẫn được Công ty M quản lý, sử dụng. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, chiếc xe vẫn đang hoạt động bình thường,

không bị cơi nới, sửa chữa gì. Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 120820-5903252-01-SME/TC ngày 13/8/2020 để thu hồi nợ.

[8] Về việc bảo lãnh của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 22/10/2019, bên bảo lãnh là ông Phạm Quang H1 đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty M) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty M và Ngân hàng. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 13/12/2022, ông H1 đã trình bày ý kiến nếu tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty M thì ông H1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty M tại Ngân hàng. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

- Về án phí:

[9] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: {72.000.000 đồng + (2.307.870.650 đồng - 2.000.000.000 đồng) x 2%} = 78.158.000 đồng (làm tròn). Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

[10] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và có đơn đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết chi phí này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116; 117; 119; 463; 465; 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

- Về số tiền nợ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tạm tính đến ngày 18/4/2023 tổng số tiền là 2.307.870.650 (hai tỷ, ba trăm linh bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.265.834.135 (một tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn, một trăm ba mươi lăm) đồng; nợ lãi trong hạn là 117.828.548 (một trăm mười bảy triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng; nợ lãi quá hạn là 895.171.907 (tám trăm chín mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm linh bảy) đồng; lãi phạt chậm trả là 29.036.060 (hai mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi) đồng theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 120820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020, khế ước nhận nợ số 130820-5903252-01-SME ngày 13/8/2020: Số tiền là 306.385.513 đồng, trong đó: Nợ gốc là 225.391.675 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.941.412 đồng; nợ lãi quá hạn là 78.614.146 đồng; lãi phạt chậm trả là 438.280 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 211019-5903252-01-SME ngày 22/10/2019, Khế ước nhận nợ số 201020-5903252-01-SME ngày 20/10/2020: Số tiền là 868.913.172 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 8.974.704 đồng; nợ lãi quá hạn là 357.936.986 đồng; lãi phạt chậm trả là 2.001.482 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 211019-5903252-01SME/THAUCHI ngày 22/10/2019: Số tiền là 1.029.088.841 đồng, trong đó: Nợ gốc là 496.916.742 đồng; nợ lãi trong hạn là 106.912.432 đồng; nợ lãi quá hạn là 398.663.369 đồng; lãi phạt chậm trả là 26.596.298 đồng.

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm số 5903252 ngày 18/11/2019: Số tiền là 103.483.124 đồng, trong đó: Nợ gốc là 43.525.718 đồng, nợ lãi quá hạn là 59.957.406 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận các Hợp đồng tín dụng và khế ước

nhận nợ nH1 phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ là: 01 chiếc ô tô tải kín thùng, nhãn hiệu Foton, Thaco Ollin 500, BKS 15H-000.99, số khung 0FWALC012122, số máy 40BD10003075 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108471 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/8/2020 mang tên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M; xác lập Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 120820-5903252-01-SME/TC ngày 13/8/2020.

- Trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì bên bảo lãnh là ông Phạm Quang H1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M phải nộp 78.158.000 đồng (bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.767.000 (ba mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003975 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hảo